

Nền tảng thúc đẩy giáo dục và phát triển bền vững tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Nguyễn Quỳnh Trang*, Ứng Cao Phát

Phòng Đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

*nqtrang@ntt.edu.vn

Tóm tắt

Giáo dục đại học có vai trò quan trọng trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển giao kiến thức. Việc áp dụng 17 mục tiêu phát triển bền vững theo Liên Hiệp Quốc là một định hướng chiến lược tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, sử dụng khuôn khổ của Bảng xếp hạng THE Impact Rankings làm công cụ đánh giá và phương hướng hành động. Nghiên cứu thực hiện phân tích những chuyển biến và hạn chế trong việc thực hiện các hoạt động hướng đến mục tiêu phát triển bền vững sau hai chu kỳ kết quả đánh giá. Kết quả cho thấy những thay đổi tích cực trong việc triển khai và cơ chế báo cáo các chương trình hướng đến phát triển bền vững. Một số đề xuất giải pháp mang tính chiến lược dài hạn được trình bày nhằm nâng cao nhận thức/sự hiểu biết của các bên liên quan, thúc đẩy hợp tác liên ngành, đổi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội để xây dựng môi trường giáo dục toàn diện, hướng đến việc đạt được 17 mục tiêu phát triển bền vững một cách bền vững và hiệu quả.

Nhận 14/02/2025

Được duyệt 23/11/2025

Công bố 28/12/2025

Từ khóa

SDGs, nhận thức/hiểu biết về bền vững, giáo dục đại học

© 2025 Journal of Science and Technology - NTTU

1 Đặt vấn đề

Giáo dục đại học có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan vào các chương trình nghiên cứu, học thuật, và xây dựng văn hóa tổ chức hướng đến tính bền vững. Các cơ sở giáo dục (CSGD) đại học có thể hoạt động như những tác nhân cho việc dạy học, đổi mới, xây dựng mối quan hệ đối tác giữa nhiều bên liên quan thông qua việc “*hợp tác với các trường đại học khác, thúc đẩy tính liên ngành, tạo ra những trải nghiệm giáo dục*” [1]. Các Mục tiêu Phát triển Bền vững được Liên Hiệp Quốc ban hành vào năm 2015, đã trở thành khung hành động toàn cầu nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục vì sự phát triển bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs).

Đây được xem là nền tảng thiết yếu để giải quyết các thách thức về kinh tế, xã hội và môi trường, hiện thực hóa các SDGs. Tại các quốc gia đang phát triển, việc nhận thức/hiểu biết về SDGs vẫn còn hạn chế [2, 3]. Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU), với cam kết thúc đẩy SDGs thông qua giáo dục, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, đã thực hiện nhiều chương trình hành động thực tiễn dựa trên tiếp cận Bộ tiêu chuẩn xếp hạng của THE Impact Rankings. Nghiên cứu này tập trung vào việc (i) xác định vai trò của các CSGD đại học tại Việt Nam đối với hoạt động SDGs, (ii) kết quả đạt được của quá trình hướng đến giáo dục bền vững tại NTTU, và (iii) đề xuất các phương án trên tiến trình thúc đẩy sự nhận thức, hành động và đánh giá kết quả hoạt động hướng tới cam kết 17 SDGs.



2 Cơ sở lý thuyết

2.1 SDGs và vai trò của giáo dục đại học

Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hiệp Quốc định nghĩa: *“Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai trong việc đáp ứng nhu cầu của họ, đồng thời cân bằng ba yếu tố: tăng trưởng kinh tế, hòa nhập xã hội và bảo vệ môi trường”*. Theo đó, SDGs là một khái niệm đa chiều, đòi hỏi sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường qua 17 SDGs gồm có: xóa nghèo (SDG 1), không còn nạn đói (SDG 2), sức khỏe thể chất và tinh thần tốt (SDG 3), giáo dục có chất lượng (SDG 4), bình đẳng giới (SDG 5), nước sạch và vệ sinh (SDG 6), năng lượng sạch với giá cả hợp lý (SDG 7), việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế (SDG 8), công nghiệp, đổi mới, và phát triển hạ tầng (SDG 9), giảm bất bình đẳng (SDG 10), các thành phố và cộng đồng bền vững (SDG 11), tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm (SDG 12), hành động chống biến đổi khí hậu (SDG 13), tài nguyên và môi trường biển (SDG 14), tài nguyên và môi trường trên đất liền (SDG 15), hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ (SDG 16), quan hệ đối tác vì sự phát triển bền vững (SDG 17).

“Tính bền vững” thường được thể hiện ở ba khía cạnh có sự liên kết chặt chẽ: (i) môi trường – bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng tài nguyên tái tạo, giảm thiểu phát thải và ô nhiễm; (ii) kinh tế – ổn định tài chính, phân bổ nguồn lực công bằng; và (iii) xã hội – tính công bằng, sự đa dạng, sức khỏe, phúc lợi, cộng đồng và sự tham gia của các bên liên quan. Trong giáo dục đại học, các vấn đề của tính bền vững được thể hiện nổi bật tại các hoạt động quản lý môi trường chất lượng, tiêu thụ năng lượng, tác động xã hội, và vấn đề giáo dục (giảng dạy, nâng cao nhận thức) [4].

Giáo dục đại học góp phần vào nhiệm vụ phát triển nhân lực và giải quyết các thách thức kinh tế, xã hội và môi trường thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển giao kiến thức. Để xây dựng một tương lai bền vững, thế hệ hiện tại cần được trang bị các kiến thức, tư duy và kỹ năng liên quan đến các SDGs. Điều này đòi hỏi các CSGD phải tăng cường nhận thức và sự tham gia của cán bộ,

giảng viên, nhân viên (CBGVNV) cũng như người học (NH) thông qua hợp tác giữa các trường, thúc đẩy tính liên ngành, và tạo những trải nghiệm giáo dục toàn diện.

Tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành (i) *Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017* phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì SDGs. Các mục tiêu SDGs đến năm 2030 của Việt Nam gồm 115 mục tiêu cụ thể, tương ứng theo văn kiện *“Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững”*; (ii) *Quyết định số 841/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 14/7/2023* về Lộ trình thực hiện các SDGs Việt Nam đến năm 2030 (thay thế Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019) với các chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn. Báo cáo SDGs Việt Nam của Liên Hiệp Quốc cho thấy được sự tiến bộ trong những năm gần đây, với thứ hạng lần lượt đạt 54/167 (năm 2023), 61/167 (năm 2024). Tuy nhiên, tiến bộ trong giáo dục và truyền thông về SDGs tại các CSGD đại học vẫn chưa đồng đều [2, 5].

2.2 Nhận thức/hiểu biết về 17 mục tiêu SDGs

“Nhận thức/hiểu biết về bền vững (Sustainability Literacy) là kiến thức, kỹ năng và tư duy giúp thúc đẩy một cá nhân cam kết sâu sắc vào việc xây dựng một tương lai bền vững và hỗ trợ đưa ra những quyết định hiệu quả cho mục đích này” [6]. Cách thực hành tốt nhất và tích hợp các vấn đề về tính bền vững trong giáo dục, nghiên cứu, tương tác về mặt khoa học – xã hội sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị cần thiết để đưa ra các quyết định và hành động có trách nhiệm [7].

Các CSGD đại học có trách nhiệm đặc biệt trong việc giáo dục và chuẩn bị các nhà lãnh đạo trong tương lai, điều này thúc đẩy họ thực hiện các SDGs vì nó được công nhận rộng rãi tại các CSGD đại học. Tại các quốc gia đang phát triển, việc nhận thức/hiểu biết về SDGs vẫn còn hạn chế. Vì vậy, đánh giá mức nhận thức/hiểu biết các SDGs của các nhóm đối tượng đặt ra thách thức cho nhiều CSGD đại học.

Hiện nay, Sulitest là một công cụ đào tạo và đánh giá trực tuyến mở được thiết kế để đánh giá và cải thiện hiểu biết về tính bền vững, đang ngày càng được mở

rộng tại các quốc gia, giúp theo dõi tiến trình bền vững theo thời gian. Tuy nhiên, mức độ tiếp cận công cụ này tại các CSGD đại học tại Việt Nam còn hạn chế. Do vậy, việc phát triển các biện pháp cải thiện kiến thức về tính bền vững thông qua đánh giá được kỳ vọng sẽ nâng cao giáo dục về tính bền vững và về lâu dài, thúc đẩy việc đạt được các kiến thức, giá trị và hành vi về tính bền vững giữa các nhóm đối tượng khác nhau tại các CSGD đại học.

3 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính với ba cách tiếp cận chính. *Thứ nhất*, phân tích tài liệu từ các nguồn chính thức bao gồm văn bản của Liên Hợp Quốc về 17 SDGs, Báo cáo SDGs của NTTU, dữ liệu THE Impact Rankings, và các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục vì SDGs. *Thứ hai*, phân tích so sánh kết quả xếp hạng của NTTU qua hai chu kỳ 2024-2025 để xác định những chuyển biến và hạn chế, đồng thời so sánh với các CSGD đại học khác tại Việt Nam. *Thứ ba*, đề xuất các giải pháp chiến lược nhằm nâng cao nhận thức, thúc đẩy hợp tác liên ngành và tăng cường trách nhiệm xã hội của quá trình triển khai SDGs.

4 SDGs tại giáo dục đại học: góc nhìn từ bảng xếp hạng THE Impact Rankings

4.1 THE Impact Rankings: công cụ đánh giá toàn cầu và ý nghĩa chiến lược

4.1.1 Khái niệm, tiêu chí và phương pháp đánh giá
Impact Rankings là bảng xếp hạng uy tín toàn cầu do Times Higher Education (THE) phát triển để đo lường mức độ đóng góp của các CSGD đại học trên toàn thế giới vào 17 SDGs của Liên Hiệp Quốc. Bộ tiêu chuẩn THE Impact Rankings gồm 251 chỉ báo, mỗi SDG được đo lường thông qua các chỉ báo cụ thể liên quan đến hoạt động nghiên cứu (research), giảng dạy (teaching), quản lý (stewardship) và tiếp cận cộng đồng (outreach).

Mục tiêu của bảng xếp hạng này hướng tới: (i) hiểu rõ hơn cách mà các CSGD đại học đang thực hiện các hoạt

động có tác động tích cực đến thế giới; (ii) ghi nhận nỗ lực của ngành giáo dục hướng tới các SDGs; và (iii) thể hiện các khía cạnh về hiệu quả của các CSGD đại học chưa có trong các bảng xếp hạng khác. Các CSGD đại học tại Việt Nam đang tham gia bảng xếp hạng phát triển bền vững theo THE Impact Rankings như một kênh tiếp cận cho quá trình triển khai và đánh giá kết quả thực hiện 17 SDGs. THE Impact Rankings đã trở thành công cụ chiến lược quan trọng để hướng dẫn các định hướng hoạt động và đánh giá tiến SDGs của các CSGD đại học.

Bảng 1 Số lượng CSGD tham gia xếp hạng trên thế giới và Việt Nam

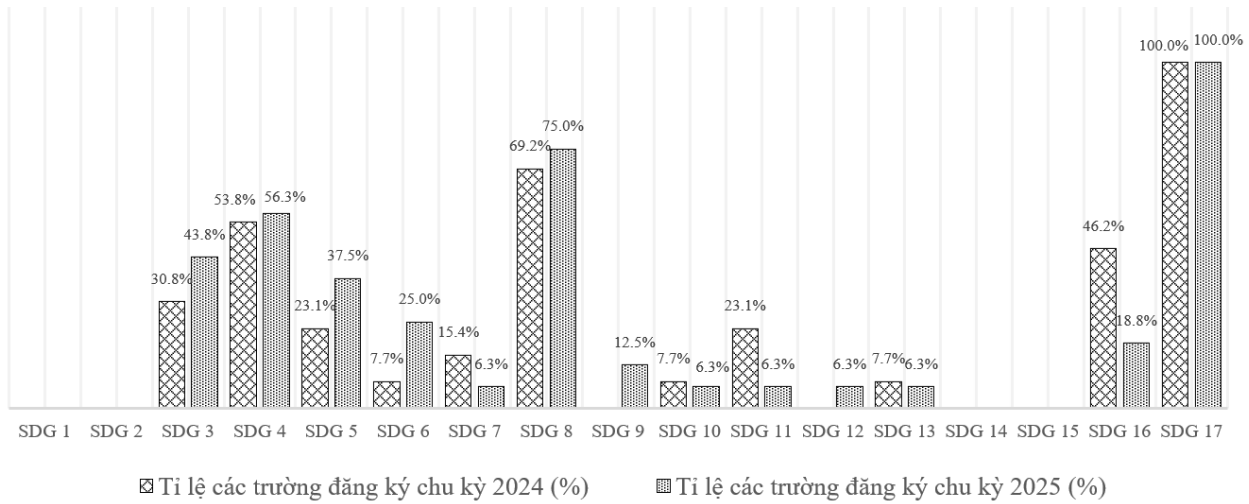
Năm	Số lượng CSGD trên thế giới được xếp hạng		Số lượng CSGD tại Việt Nam được xếp hạng	
2025	2 318	↑ 355	16	↑ 3
2024	1 963	↑ 372	13	↑ 4
2023	1 591	↑ 158	9	↑ 2
2022	1 406	↑ 291	7	↑ 3
2021	1 115	-	4	-

(Nguồn: [9])

Chu kỳ năm 2025 có 2 318 CSGD trên toàn thế giới xếp hạng theo THE Impact Ranking, tăng 355 trường so với chu kỳ năm 2024. Tại Việt Nam, số lượng các CSGD tham gia cũng gia tăng đáng kể từ 4 trường (năm 2021) lên 16 trường (năm 2025), phản ánh sự quan tâm ngày càng cao của các CSGD đại học đối với việc thực hiện các SDGs.

4.1.2 Thực trạng triển khai mục tiêu SDGs của các CSGD đại học tại Việt Nam

Hình 1 cung cấp phân bố tần suất của 16 CSGD đại học tại Việt Nam tham gia THE Impact Rankings năm 2025, cho thấy một số SDG được sự chú trọng cao và ưu tiên đăng ký nhất định tại các CSGD trong khi những SDG khác lại bị bỏ qua.



Hình 1 Phân bố tần suất đăng ký các SDGs của các CSGD đại học tại Việt Nam
(Nguồn: [9])

Dữ liệu từ 16 CSGD đại học tại Việt Nam (2025) cho thấy sự không cân bằng rõ rệt trong việc lựa chọn và ưu tiên triển khai các SDGs, cụ thể SDG 8 (chiếm tỉ lệ 75 %) và SDG 4 (chiếm tỉ lệ 56,3 %) là hai mục tiêu chiếm ưu thế, phản ánh mối liên kết giữa sứ mệnh truyền thống của giáo dục đại học và phát triển nhân lực kinh tế. Ngược lại, bốn mục tiêu hoàn toàn vắng mặt là SDG số 1, 2, 14, 15, chỉ ra khoảng trống đáng lo ngại trong cam kết bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và xóa nghèo, giảm đói. Các SDGs có mức đăng ký vừa phải như SDG 3 (chiếm tỉ lệ 43,8 %) và SDG 5 (chiếm tỉ lệ 37,5 %), cùng những SDGs ít được chọn, chiếm tỉ lệ (6,3-25) %, cho thấy các trường lựa chọn những lĩnh vực mà chúng có khả năng tác động trực tiếp. SDG 17 (chiếm tỉ lệ 100 %) được tất cả trường đăng ký, phản ánh yêu cầu bắt buộc nhưng cũng chứng tỏ hợp tác quốc tế đã trở thành yếu tố thiết yếu trong chiến lược SDGs của CSGD đại học tại Việt Nam.

Kết quả THE Impact Rankings 2025 cho thấy sự phân hóa rõ rệt và những biến động đáng chú ý trong tiến trình triển khai SDGs giữa các CSGD đại học tại Việt

Nam. Nhóm hàng đầu gồm bốn trường trong top 301-400 thế giới (Trường Đại học FPT, Đại học Kinh tế Quốc dân, NTTU, Trường Đại học Kinh tế TP HCM) đã có sự cải thiện đáng kể so với năm 2024, với Trường Đại học FPT thăng hạng từ 401-600 lên 301-400 và được công nhận là trường đầu tiên của Việt Nam vào top 100 thế giới trong lĩnh vực việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế (SDG 8). Tuy nhiên, một số CSGD đại học như Đại học Quốc gia Hà Nội đã giảm 400 bậc xuống nhóm 801-1 000, phản ánh những thách thức trong việc duy trì và nâng cao cam kết với SDGs. Điểm đáng lưu ý là sự xuất hiện của bốn trường mới (Trường Đại học Nam Cần Thơ, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Đông Á, Đại học Huế) trong bảng xếp hạng năm 2025, chứng tỏ nhu cầu ngày càng tăng của các CSGD trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn SDGs. Những biến động này phản ánh sự đa dạng trong chiến lược triển khai SDGs, khả năng thích ứng khác nhau, cũng như nhu cầu cách tiếp cận bền vững hơn trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phối hợp với các bên liên quan của các CSGD đại học tại Việt Nam.

Bảng 2 Kết quả xếp hạng của các CSGD đại học tại Việt Nam [8]

TT	Cơ sở giáo dục	Thứ hạng (chu kỳ năm 2024)	Thứ hạng (chu kỳ năm 2025)
1	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU)	301-400	301-400
2	Trường Đại học FPT	401-600	301-400
3	Đại học Kinh tế Quốc dân	401-600	301-400
4	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	401-600	301-400



5	Đại học Duy Tân	401-600	401-600
6	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	401-600	401-600
7	Trường Đại học Văn Lang	801-1000	601-800
8	Đại học Bách Khoa Hà Nội	601-800	801-1 000
9	Đại học Quốc gia Hà Nội	401-600	801-1 000
10	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	1 001-1 500	1 001-1 500
11	Trường Đại học Nam Cần Thơ	-	1 001-1 500
12	Đại học Phenikaa	1 001-1 500	1 001-1 500
13	Trường Đại học Thương mại	-	1 001-1 500
14	Trường Đại học Đông Á	-	1501+
15	Đại học Huế	-	1501+
16	Trường Đại học Lạc Hồng	1 001-1 500	1501+
17	Trường Đại học Việt Đức	1501+	-

4.2 Trường Đại học Nguyễn Tất Thành: nền tảng và kết quả SDGs

Thực hiện Chiến lược phát triển NTTU giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2035, Nhà trường đã đề ra mục tiêu chiến lược “*Khẳng định vị thế của Nhà trường trong nước, khu vực và quốc tế thông qua hoạt động gắn sao, xếp hạng và đối sánh chất lượng*”. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Nhà trường đã áp dụng cách tiếp cận đa chiều bằng cách sử dụng các tiêu chuẩn và tiêu chí của Bảng xếp hạng THE Impact Rankings làm công cụ hướng dẫn công tác SDGs. Thông qua sự

tích hợp này, Nhà trường lồng ghép 17 SDGs của Liên Hợp Quốc vào toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, và phục vụ cộng đồng.

Năm 2025 là năm thứ tư Nhà trường kiên định với định hướng “*đổi mới sáng tạo để phát triển bền vững*”, một định hướng “*vị nhân sinh*” toàn diện. NTTU xác định rõ rằng hội nhập quốc tế vì SDGs là một trong ba nền tảng cốt lõi để phát triển, kết hợp với đổi mới sáng tạo mở, khởi nghiệp và chuyển giao công nghệ. Thành tựu năm 2025 của NTTU là minh chứng rõ nét cho cam kết SDGs.

Bảng 3 Kết quả xếp hạng tầm ảnh hưởng SDGs theo THE Impact Ranking của NTTU [8]

Chu kỳ	Tổng điểm	Các SDG tham gia							
		SDG3	SDG4	SDG5	SDG6	SDG8	SDG10	SDG16	SDG17
2025	78,3	74,8	71,2	57,0	71,8	73,0	43,3	64,7	91,1
Xếp hạng	301-400, trong tổng số 2318 CSGD	101-200, trong tổng số 1788 CSGD	101-200, trong tổng số 1975 CSGD	301-400, trong tổng số 1599 CSGD	101-200, trong tổng số 1042 CSGD	101-200, trong tổng số 1350 CSGD	601-800, trong tổng số 1261 CSGD	201-300, trong tổng số 1265 CSGD	101-200, trong tổng số 2389 CSGD
2024	76	76,7	36,5	50,1	Không đăng ký	62,5	Không đăng ký	69	80,3
Xếp hạng	301-400, trong tổng số 1963 CSGD	101-200, trong tổng số 1498 CSGD	1001-1500, trong tổng số 1681 CSGD	401-600, trong tổng số 1361 CSGD		301-400, trong tổng số 1149 CSGD		201-300, trong tổng số 1086 CSGD	201-300, trong tổng số 2031 CSGD
So sánh với chu kỳ 2025	Tăng	Giảm	Tăng	Tăng	-	Tăng	-	Giảm	Tăng

Kết quả chu kỳ 2025 cho thấy những thành tựu đáng chú ý, SDG 4 (Giáo dục chất lượng) là điểm sáng rực rỡ khi tăng từ 36,5 lên 71,2 (+ 34,7), nâng vị trí từ 1 001-1 500 lên 101-200 toàn cầu, phản ánh sự tập trung

cao trong nâng cao chất lượng đào tạo. SDG 6 (Nước sạch) lần đầu tham gia đã đạt 71,8 điểm, được xếp 101-200 với 1 042 CSGD. SDG 8 (Việc làm bền vững) tăng từ 62,5 lên 73 (+ 10,5), thêm vào đó SDG 17 (Quan hệ

đối tác) tăng từ 80,3 lên 91,1 (+ 10,8). NTTU duy trì vị trí 301-400 trong tổng số 2 318 CSGD toàn thế giới, nằm trong nhóm 18 % có tầm ảnh hưởng về SDGs, nằm

trong top 3 trường dẫn đầu THE Impact Rankings tại Việt Nam.

Bảng 4 Tiến trình thực hiện SDGs tại NTTU [9]

SDG 1 Xóa nghèo	↗	SDG 2 Không còn nạn đói	↗	SDG 3 Sức khỏe thể chất và tinh thần tốt	↑	SDG 4 Giáo dục có chất lượng	↗	SDG 5 Bình đẳng giới	↗	SDG 6 Nước sạch và Vệ sinh	↗
SDG 7 Năng lượng sạch và giá cả hợp lý	→	SDG 8 Việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế	→	SDG 9 Công nghiệp, đổi mới, và phát triển hạ tầng	↗	SDG 10 Giảm bất bình đẳng	→	SDG 11 Các thành phố và cộng đồng bền vững	→	SDG 12 Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm	→
SDG 13 Hành động chống biến đổi khí hậu	→	SDG 14 Tài nguyên và môi trường biển	↓	SDG 15 Tài nguyên và môi trường trên đất liền	→	SDG 16 Hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ	↗	SDG 17 Quan hệ đối tác vì sự phát triển bền vững	↑		

Chú thích “xu hướng hoạt động”: ↑ - Đang đi đúng hướng và duy trì, ↗ - Cải thiện, → - Trì trệ, ↓ - Giảm dần

Tuy đạt được nhiều thành tựu, nhìn toàn diện các SDGs, phần lớn đang trong trạng thái cải thiện hoặc trì trệ, chỉ có SDG số 3, 4, 17 thể hiện xu hướng đúng hướng. Các SDGs liên quan đến an ninh lương thực (SDG 2), tài nguyên nước, quản lý tài nguyên thiên nhiên (SDG 14, SDG 15) vẫn chưa được triển khai đầy đủ hoặc đang gặp khó khăn. NTTU cần tăng cường nỗ lực nghiên cứu trong các lĩnh vực giải quyết những thách thức quan trọng liên quan đến an ninh lương thực, tài nguyên nước, quản lý tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái. Những nỗ lực này không chỉ thể hiện tinh thần đoàn kết, sẻ chia của tập thể mà còn góp phần xây dựng hình ảnh Nhà trường là tổ chức tiên phong gắn kết tri thức với trách nhiệm cộng đồng, hướng tới một tương lai bền vững cho xã hội.

5 Thảo luận

Chu kỳ xếp hạng năm 2025, NTTU thực hiện xếp hạng các SDG 3, SDG 4, SDG 5, SDG 8, SDG 16, SDG 17. Đến chu kỳ năm 2025 đã mở rộng thêm SDG 6 và SDG 10. Bốn SDGs có điểm cao nhất của NTTU trong chu kỳ 2025 lần lượt là SDG 17 với 91,1 điểm, SDG 3 đạt 74,8 điểm, SDG 8 đạt 73,0 điểm, và SDG 6 đạt 71,8 điểm. Mặc dù NTTU đã đạt kết quả khả quan trong THE Impact Rankings chu kỳ 2024 và 2025 nhưng mức tác động của

nhận thức SDGs giữa CBGVNV và NH đến văn hóa tổ chức tại NTTU chưa được đánh giá (một trong những yêu cầu mới của bộ tiêu chuẩn đánh giá). Sự khác biệt về nhận thức hoặc thiếu tính toàn diện có thể dẫn đến sự tập trung không đồng đều tại các khía cạnh của SDGs, là một rào cản lớn đối với việc tham gia của CBGVNV và NH tại NTTU. Thêm vào đó, thay vì chỉ tìm kiếm các cá nhân hoặc nhóm chuyên gia để chịu trách nhiệm về tính bền vững, Nhà trường nên chuyển tải những kiến thức này hiện diện trong từng cá nhân, các chức năng và bộ phận khác nhau của tổ chức. Bởi nếu nhận thức/hiểu biết về tính bền vững chỉ dành riêng cho các nhóm hoặc phòng ban cụ thể thì nguy cơ bỏ lỡ cơ hội, giao tiếp sai, thực hiện chính sách kém và quản lý thay đổi không hiệu quả sẽ cao hơn. Sự mất cân bằng giữa việc triển khai các SDGs với nguồn ngân sách, sự cam kết của lãnh đạo và sự phối hợp giữa các đơn vị cũng có thể làm chậm nỗ lực thực hiện các giải pháp bền vững. Việc đánh giá nhận thức SDGs là bước quan trọng để xác định khoảng trống kiến thức, thái độ, và hành vi, từ đó xây dựng chiến lược giáo dục hiệu quả [8]. Đối với NH, nhận thức cao về SDGs thúc đẩy tư duy phản biện và trách nhiệm xã hội, giúp họ áp dụng kiến thức vào các dự án thực tiễn, như phát triển công nghệ xanh



(SDG 9) hoặc giáo dục cộng đồng về biến đổi khí hậu (SDG 13). Ví dụ, NH ngành kỹ thuật có thể tham gia các dự án tái chế, trong khi NH ngành y tế có thể hỗ trợ các chiến dịch sức khỏe cộng đồng, tăng cường kỹ năng nghề nghiệp và ý thức bền vững. Đối với CBGVNV, hiểu biết sâu về SDGs khuyến khích tích hợp các nội dung bền vững vào chương trình giảng dạy, hoạt động của tổ chức chẳng hạn thông qua các bài giảng liên ngành hoặc phương pháp học dựa trên vấn đề (problem-based learning). Điều này không chỉ nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn truyền cảm hứng cho sinh viên tham gia các sáng kiến bền vững.

Trách nhiệm đối với sự SDGs là ý thức trách nhiệm và hành động tập thể của nhiều bên liên quan để dẫn đến những thay đổi mang tính lâu dài, một số đề xuất các phương án trên tiến trình thúc đẩy cho quá trình giáo dục nhận thức, hành động và đánh giá kết quả hoạt động hướng tới cam kết 17 SDGs cần thực hiện tại NTTU như sau:

Thứ nhất, xây dựng các khóa học liên ngành như phát triển các chương trình đào tạo về 17 SDGs cho CBGVNV và NH, trang bị kiến thức và kỹ năng để thúc đẩy giáo dục chất lượng (SDG 4), bình đẳng giới (SDG 5), và hòa bình/công lý (SDG 16). Ví dụ: khóa học về quản lý tài nguyên (SDG 12) hoặc năng lượng sạch (SDG 7), các chương trình dạy học nên tích hợp nội dung giáo dục bền vững đa dạng các lĩnh vực khác nhau để NH có những hiểu biết toàn diện về tính bền vững và kỹ năng giải quyết các thách thức mang tính liên ngành.

Thứ hai, thực hiện nghiên cứu và triển khai các dự án giải quyết các thách thức như xóa nghèo (SDG 1), sức khỏe (SDG 3), nước sạch (SDG 6), việc làm bền vững (SDG 8), bất bình đẳng (SDG 10), thành phố bền vững (SDG 11), biến đổi khí hậu (SDG 13), và bảo vệ môi trường (SDG 14, 15). Ví dụ: nghiên cứu công nghệ tái chế (SDG 12) hoặc hệ thống y tế cộng đồng (SDG 3). Các trải nghiệm thực tế như phân tích dữ liệu, tham gia các sáng kiến xã hội và chương trình hành động sẽ mang cho NH tiếp cận nhiều góc nhìn và giải pháp đa dạng trong thực tiễn, mang tính kết nối và hợp tác.

Thứ ba, tăng cường truyền thông và hòa nhập thông qua các hội thảo, mạng xã hội, và sự kiện cộng đồng về tất cả 17 SDGs liên quan đến các ngành đào tạo, xây dựng

môi trường bình đẳng, tôn trọng đa dạng (SDG 5, SDG 10). Ví dụ: chiến dịch “Không rác thải nhựa” (SDG 14) hoặc hội thảo về quyền phụ nữ (SDG 5).

Thứ tư, xây dựng chiến lược hợp tác toàn cầu dựa trên kết nối với các tổ chức trong/ngoài nước để chia sẻ kiến thức và triển khai các dự án về tiêu dùng trách nhiệm (SDG 12), hòa bình (SDG 16), và hợp tác (SDG 17). Là đơn vị tiên phong mời các đối tác có tầm ảnh hưởng (UN, NGOs) cùng tổ chức các sự kiện bền vững. Ví dụ: hợp tác với UNESCO về giáo dục bền vững (SDG 4) hoặc doanh nghiệp về năng lượng sạch (SDG 7). Sự chia sẻ kiến thức và thông tin, tham gia vào các hoạt động sẽ tạo ra giá trị gắn kết lợi ích của Nhà trường và xã hội.

Thứ năm, quản trị bền vững bằng cách tích hợp tất cả 17 SDGs vào quản trị nội bộ (quản lý năng lượng, nước, rác thải) và chính sách nhân sự, thúc đẩy trách nhiệm (SDG 16) và tiêu dùng bền vững (SDG 12). Ví dụ: hệ thống tiết kiệm năng lượng (SDG 7) hoặc chính sách bình đẳng giới (SDG 5). Hỗ trợ nguồn ngân sách cho các hạng mục dự án/nghiên cứu về SDGs cho CBGVNV, NH và các đối tác bên ngoài để mở rộng phạm vi tác động của các sáng kiến bền vững.

Thứ sáu, tiến hành đánh giá nhận thức/hiểu biết về SDGs tại NTTU sau một quá trình triển khai các hành động dựa trên các khía cạnh: (a) nhận thức (awareness) và kiến thức (knowledge) về sự tồn tại và ý nghĩa của SDGs; (b) thái độ (attitudes) đối với các hành vi bền vững; (c) hành vi (behaviors) thực tiễn liên quan đến SDGs (ví dụ: tham gia hoạt động giáo dục cộng đồng); (d) mức độ tích hợp SDGs vào hoạt động của CSGD như quản trị, giảng dạy, nghiên cứu, hoạt động cộng đồng; (e) tác động của CSGD đại học đối với xã hội liên quan đến SDGs. Bài đánh giá năng lực này cần được xây dựng như là một trải nghiệm giúp các nhóm đối tượng đánh giá được các kiến thức hiện tại của cá nhân ở nhiều góc nhìn và chủ đề khác nhau, cân bằng giữa thông tin và trình độ hiểu biết. Đây như là công cụ giúp Nhà trường giám sát, đánh giá tác động của các hành động SDGs NTTU.

Cuối cùng, lồng ghép các quan điểm, sự hiểu biết về SDGs trong giáo dục đại học xuyên suốt trong định hướng phát triển để thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan; nuôi dưỡng sự tin tưởng và cam kết giữa các

cấp lãnh đạo, quản lý; xây dựng cơ chế và hỗ trợ sự tham gia của đội ngũ CBGVNV, NH vào hoạt động bền vững giáo dục; tăng cường truyền thông và minh bạch; và cân bằng mục tiêu tài chính và bền vững.

6 Kết luận

Tóm lại, việc đạt được các SDGs đòi hỏi sự hợp tác từ các bên liên quan, tiếp cận một cách toàn diện và giám sát liên tục giúp hệ thống giáo dục đẩy nhanh quá trình đạt được SDGs đã đề ra. Để có nhận thức về khoảng cách liên quan đến các mục tiêu hành động SDGs, cần thiết lập hiểu biết cơ bản về kiến thức, thái độ và hành vi. Nghiên cứu khẳng định vai trò quan trọng của giáo

dục đại học trong việc thúc đẩy SDGs thông qua nâng cao nhận thức về 17 SDGs. Việc tích hợp SDGs vào văn hóa chất lượng cần sự tham gia của tất cả các bên liên quan, mà theo đó đánh giá đồng bộ mức nhận thức/hiểu biết về tính bền vững dựa trên công cụ Sulitest là bước đi cần thiết cho nền tảng SDGs. Nhận thức cao thúc đẩy sự hợp tác giữa các đơn vị, tạo ra các dự án nghiên cứu chung về SDGs và tăng cường quan hệ đối tác với cộng đồng, từ đó nâng cao uy tín và trách nhiệm xã hội, đảm bảo rằng NTTU không chỉ đạt thành tích trong xếp hạng mà còn đóng góp thực chất vào Chương trình nghị sự 2030.

Tài liệu tham khảo

1. Leal Filho, W., Sigahi, T. F., Anholon, R., Rebelatto, B. G., Schmidt-Ross, I., Hensel-Börner, S., *et al.* (2025). Promoting sustainable development via stakeholder engagement in higher education. *Environmental Sciences Europe*, 37(1), 1-20. <https://doi.org/10.1186/s12302-025-01101-0>
2. Sachs, J.D., Lafortune, G., Fuller, G. (2024). The SDGs and the UN Summit of the Future. Sustainable Development Report 2024. Paris: SDSN, Dublin: Dublin University Press. <https://doi.org/10.25546/108572>, 462-463.
3. United Nations (2015). Transforming Our World. The 2030 Agenda for Sustainable Development.
4. Décamps, A., Barbat, G., Carteron, J.-C., Hands, V., & Parkes, C. (2017). Sulitest: A Collaborative Initiative to Support and Assess Sustainability Literacy in Higher Education. *International Journal of Management Education*, 15(2b), 138-152. <https://doi.org/10.1016/j.ijme.2017.02.006>
5. Sachs, J.D., Lafortune, G., Fuller, G., Iablonovski, G. (2025). Financing Sustainable Development to 2030 and Mid-Century. Sustainable Development Report 2025. Paris: SDSN, Dublin: Dublin University Press. DOI: <https://doi.org/10.25546/111909>, 442-443.
6. Sulitest. (2016). <https://sustainabledevelopment.un.org/post2015/transformingourworld/publication> (Ngày trích xuất: 20/5/2025)
7. Tafese, M. B., & Kopp, E. (2025). Education for sustainable development: analyzing research trends in higher education for sustainable development goals through bibliometric analysis. *Discover Sustainability*, 6(1), 51. <https://doi.org/10.1007/s43621-024-00711-7>
8. Time Higher Education. (2025). University Impact Rankings 2025. <https://www.timeshighereducation.com/impactrankings>, ngày trích xuất: 29/10/2025
9. Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. (2024). Báo cáo phát triển bền vững Trường Đại học Nguyễn Tất Thành năm 2023. <https://dbcl.ntt.edu.vn/chuyen-muc/muc-tieu-phat-trien-ben-vung/>, ngày trích xuất 29/10/2025.

A Foundation for Promoting Education and Sustainable Development at Nguyen Tat Thanh University

Nguyen Quynh Trang*, Ung Cao Phat

Department of Quality Assurance, Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Viet Nam

*nqtrang@ntt.edu.vn

Abstract Higher education is crucial for training, scientific research, innovation, and knowledge transfer for future-ready generations. The application of the 17 Sustainable Development Goals by the United Nations is a strategic orientation at Nguyen Tat Thanh University via THE Impact Rankings' methodology as an assessment tool and direction for action. The changes and limitations in the implementation of activities towards the Sustainable Development Goals are examined based on the evaluation results after two data submission cycles. The results show positive modifications in the implementation and reporting mechanisms for sustainable development. Several long-term solution proposals are presented to raise awareness/ literacy among stakeholders and promote cross-sectoral collaboration, innovation, and social responsibility to build inclusive education environments towards achieving the 17 Sustainable Development Goals in a sustainable and effective manner.

Keywords Sustainable development goals, sustainability awareness/ literacy, higher education